

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 504/2020/DS-PT

Ngày: 30 - 9 - 2020

V/v Tranh chấp yêu cầu tuyên bố văn
bản công chứng vô hiệu và hủy Giấy
chứng nhận quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:

Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Các Thẩm phán:

Ông Lê Hoàng Tấn

Bà Trần Thị Thúy Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiểu Phương Quyền - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngát - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 196/2018/TLPT-DS ngày 21 tháng 6 năm 2018 về việc “Tranh chấp yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2018/DS-ST ngày 02/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3999/2020/QĐ-PT ngày 14 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh NĐ, sinh năm 1967.

Nơi cư trú: Số 35, đường C1, phường C2, thành phố C, tỉnh An Giang (Có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Bà Nguyễn Thị BĐ1, sinh năm 1974.

2.2. Ông Trịnh Thiên BĐ2, sinh năm 1975.

Cùng cư trú: Tổ 12, khóm C3, phường C4, thành phố C, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Phạm Thanh L, sinh năm 1973.

3.2. Bà Nguyễn Thị Tường A, sinh năm 1979.

Nơi cư trú: Tổ 18, khóm C5, phường C4, thành phố C, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

3.3. Văn phòng Công chứng Q, có trụ sở tại số 552 Thủ Khoa Nghĩa, khóm Châu Long 3, phường C6, thành phố C, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của Văn phòng Công chứng Q: Ông Nguyễn Công T - Trưởng văn phòng là người đại diện theo pháp luật (vắng mặt).

3.4. Ủy ban nhân dân thành phố C, có trụ sở tại số 10 Lê Lợi, phường C6, thành phố C, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Thanh NĐ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại Đơn khởi kiện ngày 06/10/2016 (bổ sung ngày 06/10/2016) và các lời khai tại Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thanh NĐ trình bày:

Vào ngày 18/10/2010, bà Nguyễn Thị BĐ1 và ông Trịnh Thiên BĐ2 có vay của bà số tiền 1.800.000.000đ, đến tháng 11/2010 đã trả cho bà được 800.000.000đ nên còn nợ 1.000.000.000đ. Tháng 11/2012 bà BĐ1, ông BĐ2 vay thêm 100.000.000đ và năm 2013 vay thêm 100.000.000đ. Tổng cộng: 1.200.000.000đ và tiền thuê nhà khoảng 300.000.000đ. Hiện nay bà đang khởi kiện và được Tòa án nhân dân thành phố C thụ lý vụ án số 02/2015/TLST - DS ngày 12/01/2015 nhưng chưa được xét xử.

Ngày 07/11/2015 ông BĐ2 và bà BĐ1 làm Văn bản xác nhận phần đất diện tích 74,6m², thửa đất số 251, tờ bản đồ số 42, tọa lạc tại phường C4, thành phố C, tỉnh An Giang là tài sản riêng của bà BĐ1. Cùng ngày 07/11/2015 bà BĐ1 ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có chứng nhận của Văn phòng Công chứng Q để chuyển nhượng phần đất trên cho ông Phạm Thanh L và bà Nguyễn Thị Tường A. Bà có làm đơn xin ngăn chặn việc chuyển nhượng phần đất trên và đã được Tòa án nhân dân thành phố C ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2015/QĐ -BPKCTT ngày 31/12/2015 để “phong tỏa tài sản của ông BĐ2 và bà BĐ1 đối với phần đất diện tích 74,6m²”,

sau đó ban hành Quyết định hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2016/QĐ - BPKCTT ngày 25/5/2016 để hủy Quyết định số 02/2015/QĐ - BPKCTT ngày 31/12/2015. Sau đó, bà ND tiếp tục khiếu nại về việc hủy bỏ biện pháp phong tỏa tài sản nhưng không được Tòa án chấp nhận.

Do bà BD1 và ông BD2 cố ý chuyển nhượng tài sản cho người khác nhằm tẩu tán tài sản để khi Tòa án buộc bà BD1 và ông BD2 trả nợ cho bà thì không có tài sản để thi hành án.

Nay bà yêu cầu Tòa án tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu đối với Văn bản xác nhận (về tài sản riêng của vợ) ngày 07/11/2015 và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (có chứng nhận của Văn phòng Công chứng Q) ngày 07/11/2015. Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03675fE ngày 28/3/2011 do UBND thành phố C cấp cho ông Phạm Thanh L và bà Nguyễn Thị Tường A.

Bị đơn là ông Trịnh Thiên BD2 trình bày:

Ông là chồng của bà Nguyễn Thị BD1, tài sản của ông bà là căn nhà gắn liền với phần đất tích 74,6m², thửa đất số 251, tờ bản đồ số 42, tọa lạc tại phường C4, thành phố C, tỉnh Giang được vợ chồng mua của Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tỉnh An Giang vào năm 2010 với giá 458.800.000đ. Khi mua vợ chồng cùng đứng tên mua nhưng khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ ông là bà BD1 đứng tên, lúc đó ông nghĩ ai đứng tên không quan trọng vì đây là tài sản của vợ chồng.

Thời gian sau do cần tiền làm ăn nên ông bà có vay số tiền 1.200.000.000đ tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- chi nhánh C và thế chấp tài sản là nhà đất nêu trên. Do không có khả năng trả tiền lãi cho Ngân hàng nên ông bà đã bán nhà và đất cho ông L, bà A để lấy tiền trả nợ ngân hàng. Hình thức mua bán là ông L, bà A đưa tiền cho ông bà trả Ngân hàng lấy giấy tờ ra để chuyển nhượng cho ông L, bà A. Khi làm thủ tục chuyển nhượng, Phòng công chứng Q yêu cầu phải thực hiện xác nhận đây là tài sản riêng của vợ mới thực hiện được thủ tục chuyển nhượng nên ông bà thực hiện theo yêu cầu công chứng, hiện tại tài sản do ông L và bà A đứng tên.

Việc bà ND khởi kiện ông bà để yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu ông bà không đồng ý, vì việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông bà và ông L, bà A là phù hợp với quy định của pháp luật, giao dịch của chúng tôi là tự nguyện thuận mua vừa bán không bị lừa dối hay đe dọa. Ông đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà ND.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị BD1 vắng mặt tại phiên tòa và không gửi văn bản trình bày ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Phạm Thanh L trình bày: Ông BĐ2, bà BĐ1 có thể chấp tài sản cho Ngân hàng để vay tiền làm ăn. Do không có tiền trả nợ nên ông BĐ2, bà BĐ1 bán tài sản cho ông để lấy tiền trả ngân hàng, hiện tại tài sản trên do ông bà đứng tên hợp pháp. Việc bà NĐ khởi kiện ông BĐ2, bà BĐ1 để yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu ông không có ý kiến. Ông yêu cầu Tòa án không chấp nhận yêu cầu của bà NĐ, vì các lý do sau: Tài sản hiện nay ông bà đang đứng tên quyền sử dụng đất, việc bà NĐ khởi kiện ông BĐ2, bà BĐ1 yêu cầu trả nợ đã được Tòa án thụ lý và đang giải quyết trong vụ án khác không liên quan đến tiền ông bà đã trả Ngân hàng lấy giấy tờ ra để chuyển nhượng cho ông bà. Khi làm chủ tục chuyển nhượng, Phòng công chứng Q yêu cầu phải thực hiện xác nhận đây là tài sản riêng của bà BĐ1 mới thực hiện được thủ tục chuyển nhượng nên ông BĐ2, bà BĐ1 thực hiện theo yêu cầu công chứng, hiện tại tài sản do ông và bà A đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà Nguyễn Thị Tường A vắng mặt tại phiên tòa và không gửi văn bản trình bày ý kiến.

Văn phòng Công chứng Q do ông Nguyễn Công T- Trưởng văn phòng trình bày:

Bà BĐ1 là người sử dụng đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03675fE ngày 28/3/2011. Bà BĐ1 đã cung cấp đầy đủ giấy tờ tùy thân của bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng. Đối với Văn bản xác nhận tài sản riêng của ông BĐ2 không liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà BĐ1, chỉ có giá trị làm rõ thêm tài sản riêng của bà BĐ1 đã được UBND thành phố C công nhận trên Giấy chứng nhận. Tại thời điểm công chứng thừa đất không bị tranh chấp, không bị ngăn chặn bởi quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Do đó, bà NĐ yêu cầu tuyên bố vô hiệu 02 văn bản công chứng là không có cơ sở pháp luật. Do điều kiện công tác, xin vắng mặt tại các phiên hòa giải và xét xử.

Tại Công văn số 2657/UBND - NC ngày 25/9/2017, Ủy ban nhân dân thành phố C trình bày:

Bà Nguyễn Thị BĐ1 đã được UBND thành phố C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03675fE ngày 28/3/2011, thửa số 251, tờ bản đồ số 42, diện tích 74,6m², loại đất ở đô thị. Bà BĐ1 chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên cho ông L và bà A (Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có chứng nhận của Văn phòng Công chứng Q ngày 07/11/2015). Căn cứ Quyết định số 39/2015/QĐ - UBND ngày 17/11/2015 của UBND tỉnh An Giang quy định về trình tự, thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh An Giang, ngày

21/7/2016 Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh C điều chỉnh biến động cho chủ sử dụng là ông L và bà A. Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên và quá trình biến động được thực hiện theo đúng trình tự, quy định của pháp luật. UBND thành phố C không có cơ sở để thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2018/DS-ST ngày 02/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh NĐ yêu cầu tuyên bố Văn bản xác nhận (về tài sản riêng của vợ) ngày 07/11/2015 và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 07/11/2015 vô hiệu.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh NĐ yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03675fE ngày 28/3/2011 và đã chuyển quyền cho ông Phạm Thanh L và bà Nguyễn Thị Tường A ngày 21/7/2016.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí sơ thẩm, và thông báo về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/5/2018, bà Nguyễn Thị Thanh NĐ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh NĐ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố Văn bản xác nhận ngày 07/11/2015, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 07/11/2015 (do Văn phòng Công chứng Q công chứng vô hiệu) và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03675fE ngày 28/3/2011 do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp (đã cập nhật biến động sang tên bà Nguyễn Thị Tường A và ông Phạm Thanh L ngày 21/7/2016).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh trình bày quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh NĐ về yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là có cơ sở. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà NĐ không cung cấp được chứng cứ nào mới để chứng minh cho kháng cáo của mình, đề nghị Hội

đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và giữ nguyên quyết định của bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử xét:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn bà Nguyễn Thị BD1, ông Trịnh Thiên BD2 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Phạm Thanh L, bà Nguyễn Thị Tường A, Văn phòng Công chứng Q đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân thành phố C, tỉnh An Giang có văn bản xét xử vắng mặt ở cấp phúc thẩm. Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng trên.

[2] Về nội dung vụ án:

Bà Nguyễn Thị Thanh NĐ cho rằng phần diện tích đất 74,6m², thửa đất số 251, tờ bản đồ số 42, tọa lạc tại phường C4, thành phố C, tỉnh An Giang là tài sản để thi hành án của bà Nguyễn Thị BD1 và ông Trịnh Thiên BD2 đối với khoản tiền đã vay của bà. Cụ thể, bà đã khởi kiện tại Toà án nhân dân thành phố C yêu cầu bà BD1 và ông BD2 trả lại số tiền 1.200.000.000 đồng, tiền lãi và tiền thuê nhà khoảng 300.000.000 đồng (Vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 02/2015/TLST-DS ngày 12/01/2015). Trong quá trình giải quyết vụ án tại Toà án nhân dân thành phố C, ngày 07/11/2015, bà BD1 và ông BD2 ký kết Văn bản xác nhận xác định tài sản trên là tài sản riêng của bà BD1. Cũng trong ngày này, bà BD1 chuyển nhượng phần đất cho ông Phạm Thanh L, bà Nguyễn Thị Tường A theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất do Văn phòng Công chứng Q chứng nhận. Ngày 21/7/2016, Ủy ban nhân dân thành phố C đã cập nhật biến động trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03675fE ngày 28/3/2011 sang tên bà Nguyễn Thị Tường A và ông Phạm Thanh L.

[2.1] Xét yêu cầu tuyên bố Văn bản xác nhận ngày 07/11/2015 và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 07/11/2015 vô hiệu:

Tại thời điểm bà NĐ khởi kiện vụ án này, Toà án nhân dân thành phố C chưa xét xử vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 02/2015/TLST-DS ngày 12/01/2015 giữa bà NĐ và bà BD1, ông BD2 về việc trả lại số tiền vay, tiền lãi và tiền thuê nhà trên. Do đó, việc bà NĐ cho rằng phần diện tích đất 74,6m², thửa đất số 251, tờ bản đồ số 42, tọa lạc tại phường C4, thành phố C, tỉnh An Giang là tài sản để đảm bảo thi hành án là không có cơ sở.

Căn cứ Điều 122 Bộ luật Dân sự năm 2005, giao dịch dân sự có hiệu lực khi có đủ các điều kiện gồm: Người tham gia giao dịch có năng lực hành vi dân sự; mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; người tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện và hình thức giao dịch phù hợp quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy việc bà BĐ1 và ông BĐ2 ký kết Văn bản xác nhận ngày 07/11/2015 xác định diện tích đất 74,6m² là tài sản riêng của bà BĐ1 và chuyển nhượng cho ông L, bà A đã đảm bảo quy định về điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự. Tại thời điểm công chứng, bà BĐ1 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; đất không có tranh chấp; quyền sử dụng đất không bị kê biên và trong thời hạn quyền sử dụng đất nên đủ điều kiện thực hiện quyền chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo khoản 1 Điều 188 Luật Đất đai năm 2013. Thủ tục công chứng đã phù hợp quy định tại các Điều 40 và Điều 41 Luật Công chứng 2014. Vì vậy, bà NĐ khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố Văn bản xác nhận ngày 07/11/2015 và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 07/11/2015 vô hiệu là không có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03675fE ngày 28/3/2011:

Như phân tích nêu trên, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 07/11/2015 giữa bà BĐ1 và ông L, bà A đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực. Căn cứ Công văn số 2657/UBND-NC ngày 25/7/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang và qua xem xét hồ sơ lưu trữ, Hội đồng xét xử nhận thấy các thủ tục hành chính về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà A và cập nhật biến động sang tên ông L, bà A đã được thực hiện theo trình tự, phù hợp luật định. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C03678fE ngày 28/3/2011 do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp ngày 28/3/2011 (đã được Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh C cập nhật biến động cho bà Nguyễn Thị Tường A và ông Phạm Thanh L ngày 21/7/2016) là có căn cứ.

[2.3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh NĐ, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Các phần khác của bản án Tòa án cấp sơ thẩm, các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân không kháng nghị nên phát sinh hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh NĐ phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh NĐ.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 26, Điều 34, Điều 37, khoản 2, khoản 3 Điều 296 và Điều 270, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 122 Bộ luật Dân sự năm 2005;
- Điều 7, Điều 40 và Điều 41 Luật Công chứng năm 2014;
- Khoản 1 Điều 188 Luật Đất đai năm 2013;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;
- Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh NĐ về việc yêu cầu tuyên bố Văn bản xác nhận ngày 07/11/2015 và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 07/11/2015 giữa bà Nguyễn Thị BD1, ông Trịnh Thiên BD2 và bà Nguyễn Thị Tường A, ông Phạm Thanh L vô hiệu.

2/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh NĐ về việc huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C03678fE ngày 28/3/2011 do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp ngày 28/3/2011 (đã được Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh C cập nhật biến động cho bà Nguyễn Thị Tường A và ông Phạm Thanh L ngày 21/7/2016).

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thanh NĐ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số TU/2015/07019 ngày 31/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh An Giang. Bà NĐ phải nộp thêm số tiền là 100.000 (một trăm nghìn) đồng.

4/ Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thanh NĐ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0000365 ngày 14/5/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Các bên thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Hoàng Tấn

Trần Thị Thúy Hồng

Trần Thị Hòa Hiệp